

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2024
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Đoạt.
- Ông Nguyễn Tấn Lập.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)
- Bị đơn:** Anh Trần Văn K, sinh năm: 1983; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 02/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị và chồng là anh Trần Văn K chung sống như vợ chồng từ năm 2005, không có đăng ký theo quy định của pháp luật. Anh, chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do có sự thay đổi nhiều về tính cách, vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, cuộc sống lúc nào cũng áp lực, không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2017 cho đến nay.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Trần Duy K1 sinh ngày 24/01/2006 và Trần Nguyễn Thảo V sinh ngày 17/12/2011.

Về tài sản và nợ: Chị T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với chồng là anh Trần Văn K. Về nuôi con, cháu K1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu V đang sinh sống cùng anh K nên chị giao cháu V cho anh K tiếp tục trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn K đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh K đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh K vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn K và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh K với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh, chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị T và anh K chung sống như vợ chồng từ năm 2005 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát

sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị T và anh K không được công nhận là vợ chồng.

Về nuôi con:

Anh chị có hai người con chung là Trần Duy K1 sinh ngày 24/01/2006 và Trần Nguyễn Thảo V sinh ngày 17/12/2011.

Cháu K1 đã trưởng thành nên tự quyền quyết định sống với cha hoặc mẹ. Cháu V đang sinh sống cùng anh K.

Chị T có ý kiến giao cháu V cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của anh K hiện nay cháu V đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Cháu V cũng có nguyện vọng được sống chung với anh K nếu cha mẹ ly hôn. Đối chiếu với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử (HĐXX) xử giao cháu V cho anh K tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T xác định anh K có việc làm, có thu nhập đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Anh K không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không giải quyết.

Về tài sản, nợ: Chị T xác định anh, chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp, anh K, chị T có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nợ thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, *Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình*;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Văn K là vợ chồng.

2. Về nuôi con:

Anh chị có 02 người con chung là Trần Duy K1 sinh ngày 24/01/2006 và Trần Nguyễn Thảo V sinh ngày 17/12/2011.

Giao cháu V cho anh K tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Cháu K1 đã trưởng thành nên tự quyền quyết định sống với cha hoặc mẹ.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001045 ngày 08/5/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án **được** thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú